HÀN QUỐC ĐỐI PHÓ VỚI GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Vân Hạnh*

Đặt vấn đề

Theo nhận định của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), xu hướng phát triển của dân số thế giới hiện nay là sự chuyển hoá nhanh chóng từ các mức tỷ lệ tử vong và tỷ lệ sinh cao trong nhiều năm trước đây sang các mức tỷ lệ tử vong và tỷ lệ sinh thấp cũng như sự gia tăng của tuổi thọ trung bình.

Chất lượng cuộc sống được cải thiện đã khiến thế giới có những tiến bộ ấn tượng về tuổi thọ trung bình. Tuổi thọ trung bình của thế giới đã tăng thêm khoảng 20 năm kể từ năm 1950 và hiện tại đã ở mức 66 tuổi. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt lớn về tuổi thọ giữa các quốc gia. Tại các quốc gia kém phát triển nhất, trong 50 năm qua tuổi thọ tăng thêm 15 năm đối với nam và 17 năm đối với nữ; trong khi đó tại các khu vực phát triển hơn là 19 năm đối với nam và 23 năm đối với nữ. Tỷ lệ người cao tuổi theo giới tính hiện nay là 82 nam giới/100 nữ giới (Phương Linh, 2010).

Do tỷ lệ sinh giảm xuống trong khi tuổi thọ kéo dài ra, nên dân số của các nước nói chung đều bị già hóa. Báo cáo từ UNFPA

* Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

cho thấy khoảng một nửa dân số thế giới tăng lên trong giai đoạn từ 2005 đến 2050 là ở độ tuổi từ 60 trở lên, trong khi số trẻ em ở độ tuổi dưới 15 lại giảm đi. Ở các nước đã phát triển, số người từ 60 tuổi trở lên dự kiến sẽ tăng gấp đôi, từ 245 triệu năm 2005 lên 406 triệu năm 2050, trong khi số người dưới 60 tuổi dự kiến sẽ giảm từ 971 triệu năm 2005 xuống còn 839 triệu vào năm 2050. Tuổi trung bình của dân số thế giới vào năm 2050 là 38,6, trong đó ở 12 nước châu Âu mức tuổi trung bình này là trên 40 và ở Nhật Bản là 43 (Việt Nam được dự đoán là sẽ đạt 41,6). Cách đây một thập kỷ, số người già trên 60 tuổi ở châu Âu đã nhiều hơn số trẻ em dưới 15 tuổi và đến năm 2050, cứ 1 trẻ em thì có tới 2 người già. Ở châu Á, Mỹ Latinh và khu vực Caribê, mức tăng của độ tuổi trung bình tuy có chậm hơn, nhưng xu hướng già hoá dân số cũng đang tăng lên nhanh chóng (Phương Linh, 2010).

Trước đây, già hoá dân số là mối quan tâm chính của các quốc gia phát triển và ngày nay quá trình này đang dần trở thành mối quan tâm của những nước đang phát triển. Có thể nói, già hóa dân số đã trở thành vấn đề mang tính toàn cầu. "Kế hoạch hành động quốc tế Madrid về già hoá dân số" và "Tuyên bố chính trị" được thông qua tại Hội nghị quốc tế lần thứ hai về già hoá dân số tổ chức vào tháng 4 năm 2002 đã đánh dấu một bước ngoặt trong việc thế giới đối mặt với những thách thức nhằm xây dựng một xã hội cho mọi lứa tuổi. Kế hoạch hành động Madrid đã đưa ra một chương trình nghị sự rõ nét nhằm đương đầu với các thách thức của già hoá dân số trong thế kỷ 21. Kế hoạch tập trung vào 3 nội dung chính: Người cao tuổi và phát triển; Nâng cao sức khoẻ và phúc lợi tuổi già; Đảm bảo môi trường thuận lợi và hỗ trợ (Phương Linh, 2010).

Theo phân loại của Cowgill và Holmes (1970) [trích dẫn từ Andrews và Philips, 2006], khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% đến 9,9% tổng dân số thì được coi là dân số già hóa. Tương tự,

10%-19,9% gọi là dân số "già"; 20%-29,9% gọi là dân số "rất già" và từ 30% trở lên gọi là dân số "siêu già". Nhiều báo cáo của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế sử dụng cách phân loại này. (UNFPA, 2010).

Theo cách phân loại này, Việt Nam hiện nay chưa được xếp vào dân số già (tính đến 1-4-2009, tỷ lệ dân số trên 65 tuổi ở Việt Nam chiếm 6,6%). Tuy nhiên, chúng ta lại có mức độ già hóa dân số khá nhanh với chỉ số già hóa 35,7%, mức sinh giảm dần và tuổi thọ trung bình tăng nhanh, như các tác giả Hayes, Nguyễn Đình Cử, Vũ Mạnh Lợi (2009) đã nhận định: "Già hóa chưa phải là vấn đề cấp bách ở thời điểm hiện tại song đang ngày càng trở nên cần phải quan tâm do thực tế là số dân từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng đáng kể (cả về số tuyệt đối và tỷ trọng trong tổng dân số) trong giai đoạn 2011 – 2020". Dự báo dân số năm 2020 của Tổng cục Thống kê cho thấy tỷ lệ dân số cao tuổi sẽ đạt ngưỡng 10% tổng số dân vào năm 2017 và Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn "dân số già" trong hai thập kỷ tiếp theo khi mà chỉ số già hóa sẽ tăng từ 35,5 vào năm 2009 lên hơn 100 vào năm 2032. Thời gian để Việt Nam chuyển đổi từ cơ cấu dân số "già hóa" sang cơ cấu dân số "già" sẽ ngắn hơn nhiều so với các quốc gia có trình độ phát triển cao hơn. Chẳng hạn như Pháp mất tới 115 năm, Thụy Điển phải mất 85 năm, Nhật Bản là 26 năm, Thái Lan là 22 năm, trong khi dự báo ở Việt Nam chỉ là 20 năm. Điều này có ảnh hưởng lớn đối với tăng trưởng kinh tế cũng như các chương trình an sinh xã hội cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của nhóm dân số cao tuổi được coi là nhóm dễ bị tổn thương nhất.

Chính vì vậy, ngay từ giai đoạn dân số "già hóa", chúng ta đã cần phải có những bước chuẩn bị cần thiết để có thể chủ động đối mặt với những vấn đề nảy sinh của một cơ cấu dân số già trong tương lai không xa.

Bài viết này điểm qua thực trạng nhóm người cao tuổi ở Hàn Quốc hiện nay cũng như cách thức ứng phó với những vấn đề

kinh tế - xã hội nảy sinh từ việc già hòa dân số của quốc gia này, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong đối phó với vấn đề già hóa dân số trong giai đoạn tới.

*** Hàn Quốc đối phó với già hóa dân số**

Hàn Quốc là một quốc gia châu Á có mức độ phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhóm hàng đầu châu lục, GDP bình quân đầu người theo giá thực tế năm 2010 là hơn 20.000 đô la Mỹ, xếp hạng 33 trên thế giới và xếp thứ 4 châu Á (sau Singapore, Nhật Bản và Hồng Kông) – theo bảng xếp hạng của Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF. Đây cũng là quốc gia chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi Khổng giáo như nhiều quốc gia châu Á khác. Theo đó, trong văn hóa Hàn Quốc, người cao tuổi luôn được kính trọng, chăm sóc người cao tuổi được coi là một trách nhiệm, một chuẩn mực có tính quy phạm. Như tất cả các nền văn hóa Nho giáo khác, người Hàn Quốc cho rằng con cái phải có hiếu với cha mẹ vì cha mẹ đã sinh ra và nuôi dưỡng con cái, khi cha mẹ đến tuổi già, con cái phải có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ để báo hiếu công sinh thành và dưỡng dục. Có tới hơn 90% người cao tuổi ở Hàn Quốc cho rằng con cái, gia đình chính là điểm tựa đầu tiên và quan trọng nhất của họ (Choi, 1996 – dẫn theo Sung, 2001) và cũng hơn 90% người trẻ tuổi nhận thức rằng cha mẹ họ khi về già cần dựa vào con cái và con cái có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ (Sung, 2001).

Trải qua quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh mẽ, rất nhiều chuẩn mực trong xã hội Hàn Quốc đã dần thay đổi, trong đó có mối quan tâm và sự chăm sóc dành cho người cao tuổi, giá trị về chữ hiếu vẫn không thay đổi nhưng do sự tác động của các nguyên nhân kinh tế - xã hội mà chuẩn mực để thực hiện hiếu lễ ngày nay đã không còn như trước. Khi sự quan tâm và chăm sóc dành cho người cao tuổi trong các gia đình Hàn Quốc

giảm đi, nó đã trở thành chủ đề đáng chú ý đối với các nhà khoa học, các nhà quản lý và hoạch định chính sách. Sự chú ý này đã bắt đầu từ những năm cuối của thế kỷ 20, khi dân số Hàn Quốc chưa thực sự bước vào giai đoạn già (mà đang trong giai đoạn già hóa nhanh chóng như Việt Nam ở thời điểm hiện tại).

Với dân số năm 2010 hơn 48 triệu người trong đó 5,3 triệu (11%) có độ tuổi từ 65 trở lên (năm 1990, tỷ lệ này chỉ là 5,1%), dân số Hàn Quốc đã bước vào giai đoạn già và vẫn tiếp tục già hóa khi tỷ suất sinh vẫn giảm (năm 2000 TFR của Hàn Quốc là 1,72; năm 2003 giảm còn 1,56; năm 2010 tiếp tục giảm còn 1,22) và tuổi thọ trung bình ngày một gia tăng (năm 2000, tuổi thọ trung bình khi sinh của Hàn Quốc là 74, năm 2003 là 75, năm 2010 là 79) (Cơ quan Thống kê Hàn Quốc).

Chăm sóc người già trong gia đình ở Hàn Quốc có thể được chia thành 2 loại: loại chăm sóc sống cùng và loại chăm sóc sống xa. Loại sống cùng chủ yếu phổ biến trong xã hội truyền thống, loại sống xa phổ biến trong xã hội hiện đại (Sung, 2001).

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa trong vài thập kỷ gần đây đã thu hút một lượng lớn dân số Hàn Quốc di cư tới các thành phố lớn, hầu hết thành phần di cư đều là người trẻ tuổi, vì công việc hay học tập, họ phải di chuyển tới các khu đô thị hoặc khu công nghiệp, để lại những vùng nông thôn một tỷ lệ rất cao các hộ gia đình người cao tuổi sống xa con cái. Mức độ gia tăng số lượng người cao tuổi sống độc thân hoặc chỉ sống với bạn đời ở Hàn Quốc là rất nhanh chóng. Năm 1975, chỉ có 7% dân số trên 60 tuổi của Hàn Quốc sống một mình hoặc sống với chồng/vợ, năm 1996 con số này đã tăng vọt lên tới 53% (Sung, 2001). Theo Cơ quan Thống kê Hàn Quốc, năm 2010, tỷ lệ hộ gia đình chỉ có người cao tuổi chiếm 17,4% số hộ trong toàn quốc, đến năm 2030, con số này được dự đoán lên tới 32,3%.

Với những gia đình sống tách biệt, rõ ràng việc chăm sóc người cao tuổi trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu của các nhà khoa học Hàn Quốc cho thấy khoảng cách trung bình mà những người già sống so với con cái đã trưởng thành của họ là khoảng 1 giờ lái xe (Choi 1999 – dẫn theo Sung, 2001) và mặc dù sống tách biệt nhưng con cái vẫn luôn quan tâm, chăm sóc và có những hỗ trợ về kinh tế cũng như những động viện, thăm hỏi về tinh thần đối với cha mẹ mình (78% người cao tuổi Hàn Quốc cho rằng những hỗ trợ họ nhận được chủ yếu vẫn là từ gia đình) (Choi 1996 – dẫn theo Sung, 2001). Mặc dù vậy, không thể phủ nhận là khoảng cách địa lý, nhịp sống hiện đại và những thay đổi của hệ giá trị, chuẩn mực đã khiến cho mức độ và cách thức thể hiện lòng hiếu thảo của con cái đối với các bậc cha mẹ trong các gia đình Hàn Quốc đã thay đổi rất nhiều theo chiều hướng suy giảm, đồng nghĩa với việc người cao tuổi Hàn Quốc bắt đầu cần đến sự hỗ trợ từ bên ngoài (chính phủ, các tổ chức xã hội) nhiều hơn.

Theo các nhà nghiên cứu Hàn Quốc, những vấn đề cơ bản mà người già phải đối mặt là vấn đề sức khoẻ, điều kiện tài chính, sự cô đơn và tách biệt khỏi cộng đồng, hụt hẫng khi rời bỏ các vai trò xã hội, sự kém thích nghi và những vấn đề về tâm lý khác (sợ chết, bảo thủ, luôn lấy mình làm trung tâm...).

Tỷ lệ người già trong dân số gia tăng nhanh chóng đồng nghĩa với việc suy giảm dân số trong độ tuổi lao động và gia tăng tỷ lệ phụ thuộc dân số. Tỷ lệ phụ thuộc người già của Hàn Quốc năm 2010 là 15%. Nền kinh tế sẽ chịu nhiều gánh nặng hơn, đặc biệt là áp lực đối với hệ thống an sinh xã hội (chi phí y tế để chăm sóc 1 người cao tuổi được tính toán là cao gấp 7 - 8 lần chăm sóc một đứa trẻ). Năm 2005, chi phí của chính phủ Hàn Quốc cho các chương trình chăm sóc người già chiếm 2,6% GDP và theo ước tính năm 2050 con số này có thể lên tới 25,5% (Howe N., Jackson R. & Nakashima K., 2007).

Do sự gia tăng của tỷ lệ người già trong dân số, các khoản ngân sách chi cho an sinh xã hội (lương hưu, chi phí y tế...) cũng đã tăng đáng kể. Năm 2005, Hàn Quốc có 16,1% dân số nhận lương hưu từ ngân sách chính phủ, năm 2009 con số này đã tăng lên thành 27,6% khiến cho quỹ lương hưu quốc gia đứng trước nguy cơ thiếu hụt vào năm 2035 và cạn kiệt vào năm 2060. Chi phí y tế cho nhóm người cao tuổi năm 2009 tại Hàn Quốc đạt con số 12 tỷ won, tương đương 30,5% tổng ngân sách chi trả bởi Tập đoàn Bảo hiểm Y tế Quốc gia (năm 2000, với 7,1% dân số là người già, chi phí y tế cho nhóm này mới chiếm 17,6% và tương đương với 1,59% GDP, con số này năm 1999 là 0,23%) (Chung, 2010).

Để đối phó với những vấn đề nảy sinh từ việc già hóa dân số nhanh chóng, chính phủ Hàn Quốc đã phê duyệt Kế hoạch hành động 5 năm vì xã hội già hóa dân số từ năm 2006 – 2010 và đã đưa ra nhiều chính sách mạnh mẽ trong khuôn khổ kế hoạch hành động này. Ví dụ như chính phủ Hàn Quốc đã tiến hành sắp xếp lại Hệ thống Chi trả Lương hưu và đưa ra một hệ thống lương hưu – trợ cấp cho người cao tuổi mới vào năm 2008, chi trả lương hưu cho hơn 70% người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên tại quốc gia này. Hệ thống trợ cấp – chi trả lương hưu cho người cao tuổi này sẽ góp phần làm giảm gánh nặng cho hệ thống lương hưu quốc gia và góp phần giảm thiểu nguy cơ nghèo đói cho nhóm người già thuộc tầng đáy của tháp phân tầng dựa trên sở hữu tài sản, bởi hệ thống mới này hướng đến những đối tượng là những người già gặp khó khăn về kinh tế. Phần chi trả trong hệ thống lương hưu mới cho người cao tuổi này được tính bằng 5% thu nhập trung bình trong 3 năm tính theo gói bảo hiểm tiền lương hưu quốc gia và dự tính đến năm 2028 sẽ tăng lên 10% (Chung, 2010). Bên cạnh đó, từ năm 2005, một điều luật mới cũng cho phép các công ty tư nhân áp dụng hình thức đóng bảo hiểm trả lương hưu cho các nhân viên thay vì hình thức trợ cấp 1 lần duy nhất như trước đây.

Riêng đối với hệ thống lương hưu quốc gia, sớm nhận thức được gánh nặng ngày một tăng đối với việc chi trả lương hưu cho một xã hội già hóa, chính phủ Hàn Quốc đã có những điều chỉnh từng bước tăng mức đóng góp và giảm mức hưởng lợi từ năm 1998 (năm 1988, tỷ lệ đóng góp của người lao động là 1,5% thu nhập hàng tháng, năm 1998 tăng lên 3%, năm 1999 tiếp tục tăng lên 4,5%). Hiện nay, quốc hội và chính phủ Hàn Quốc đang xem xét việc chuyển đổi hệ thống chi trả lương hưu quốc gia từ hình thức thực thanh thực chi (pay as you go defined benefit) do tính kém bền vững, không công bằng và khả năng rủi ro cao trong đối phó với một xã hội già hóa dân số của hệ thống này sang hình thức quỹ tài khoản cá nhân với mức hưởng được xác định theo mức đóng (fully funded retiment system) – một hình thức hiện được xem là có tính linh hoạt và bền vững hơn.

Cũng trong năm 2008, một mô hình bảo hiểm mới dành cho người già và người tàn tật là Hệ thống Bảo hiểm chăm sóc lâu dài cũng đã bắt đầu hoạt động và tiến hành cung cấp dịch vụ chăm sóc cho 280.000 người già gặp phải những khó khăn về đi lại (Kim, 2010). Việc phát triển hệ thống chăm sóc bảo hiểm lâu dài sẽ giúp giảm gánh nặng cho cơ quan Bảo hiểm Y tế Quốc gia. Hiện tại, Hệ thống Chăm sóc Bảo hiểm Lâu dài cung cấp 2 dạng dịch vụ là chăm sóc tại nhà và chăm sóc tại cơ sở y tế thuộc hệ thống, ngoài ra cũng có dạng chi trả bằng tiền mặt nhưng chỉ áp dụng cho những đối tượng sống ở vùng sâu vùng xa nơi không có cơ sở y tế của hệ thống hoặc những đối tượng không thể chung sống với người khác vì mắc các chứng bệnh liên quan đến thần kinh. Tính đến tháng 5/2009, tỷ lệ sử dụng dịch vụ chăm sóc tại cơ sở y tế chiếm 30,95%, sử dụng dịch vụ chăm sóc tại nhà chiếm 68,55% và và 0,5% nhận được hỗ trợ bảo hiểm bằng tiền mặt. (Chung, 2010). Đáng lưu ý là việc tham gia vào hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia hay bảo hiểm chăm sóc lâu dài đều mang tính bắt buộc đối với

mọi người dân Hàn Quốc (Chung, 2010). Để tăng cường năng lực tài chính cho hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia, cơ quan này hướng tới việc tìm kiếm các nguồn tài chính bổ sung từ thuế đối với các mặt hàng liên quan trực tiếp tới sức khoẻ như rượu, thuốc lá hoặc tiết kiệm chi phí chữa bệnh bằng việc thúc đẩy các chương trình phòng chống bệnh tật như tuyên truyền kiến thức và kiểm tra tổng quát sức khoẻ định kỳ. Bên cạnh đó, chính phủ Hàn Quốc cũng khuyến khích sự mở rộng và hoạt động của các công ty tư nhân trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ hỗ trợ y tế và chăm sóc đối với người cao tuổi. Một thị trường tự do kết hợp cả hai khu vực công - tư phát triển theo sự định hướng của nhu cầu khách hàng sẽ cung cấp những dịch vụ hợp lý và hiệu quả.

Tiếp nối thành công của Kế hoạch hành động 5 năm vì xã hội già hóa dân số 2006 - 2010, năm 2011 chính phủ Hàn Quốc tiếp tục đưa ra và tiến hành thực thi Kế hoạch hành động 5 năm lần thứ hai cho giai đoạn 2011 - 2015. Kế hoạch này vạch ra những chính sách về thúc đẩy việc làm với khoảng 300.000 việc làm cho người cao tuổi tính đến năm 2015. Hiện nay, tuổi nghỉ hưu trung bình ở Hàn Quốc là 57, trong khi tuổi thọ trung bình là 79, theo đó người cao tuổi Hàn Quốc phải sống khoảng 22 năm không lao động sau khi nghỉ hưu. Theo một nghiên cứu năm 2010 của Viện Sức khoẻ và Các vấn đề xã hội Hàn Quốc, chỉ có 23,8% người trên 65 tuổi ở Hàn Quốc có tiết kiệm dành dụm chuẩn bị cho cuộc sống sau khi về hưu. Báo cáo của viện này cũng cho biết hầu hết người cao tuổi ở Hàn Quốc khi có tiền dành dụm đều dùng để tổ chức đám cưới cho con cái họ và nếu con cái họ không chăm lo hoặc không chăm lo được cho họ sau khi họ nghỉ hưu thì họ rất dễ rơi vào tình trạng nghèo đói (Chosun Ilbo, 2005). Chính vì vậy, người cao tuổi ở Hàn Quốc cần tiếp tục có một công việc nào đó sau khi nghỉ hưu để có thêm thu nhập trang trải cho các chi phí cuộc sống. Nhận thức được nhu cầu này, chính phủ Hàn Quốc đã có những chương

trình và nỗ lực tạo việc làm cho người cao tuổi từ năm 2004 với những công việc nhẹ nhàng trong các lĩnh vực như bảo vệ môi trường, quản lý khu vực đỗ xe hay bảo quản, thu dọn các khu vực giao thông công cộng. Năm 2006, chính phủ đã chi 110 triệu won để tạo ra 80.000 chỗ làm cho người cao tuổi (Kim, 2006).

Ngoài ra, kế hoạch 5 năm lần thứ hai này cũng nhằm tới việc mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng tạo điều kiện cho người cao tuổi tham gia vào những hoạt động dịch vụ tình nguyện và tận hưởng các hoạt động giải trí. Thêm vào đó, Chính phủ Hàn Quốc cũng có những nỗ lực để giải quyết những vấn đề nảy sinh xung quanh việc người cao tuổi sống cô đơn hay biệt lập bằng cách thiết lập hệ thống kiểm soát bảo vệ và hỗ trợ đối với những hộ gia đình chỉ có người cao tuổi.

Bên cạnh những chương trình, chính sách của Chính phủ Hàn Quốc, rất nhiều những nỗ lực, hoạt động của các tổ chức xã hội khác thuộc và không thuộc chính phủ cũng đã góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ, chăm sóc người già tại quốc gia này.

Năm 1987, mô hình hỗ trợ người già tại gia đình do Tổ chức Giúp đỡ người già của Hàn Quốc phát động đã bắt đầu đi vào thử nghiệm. Ngoài ra, Tổ chức Giúp đỡ người già Hàn Quốc còn có một số mô hình hỗ trợ khác như mô hình dịch vụ chăm sóc theo ngày, dịch vụ y tá tại nhà, hay mô hình chỗ ở ngắn hạn, tuy chưa thực sự phổ biến nhưng cũng có những đóng góp nhất định cho việc hỗ trợ chăm sóc người già neo đơn và có hoàn cảnh khó khăn.

Để thúc đẩy những phong trào luyện tập thể dục thể thao, vui chơi giải trí cho người già, hàng loạt các câu lạc bộ hoạt động đã ra đời. Tính đến năm 2000, đã có hơn 40 nghìn câu lạc bộ, thu hút khoảng 1,4 triệu người già trên toàn quốc tham gia. Tuy nhiên, điểm yếu của các câu lạc bộ kiểu này là thiếu kinh phí hoạt động và trụ sở thường nhỏ, cơ sở hạ thầng thiếu thốn. Ngoài ra, một hình thức khác cũng khá phổ biến ở nhiều địa phương là các

trường, lớp học dành cho người lớn tuổi. Hình thức này đã bắt đầu ra đời từ năm 1972 bởi các tổ chức tình nguyện tại địa phương, đến năm 2002 đã có khoảng 1500 trường, lớp dành cho người cao tuổi trên khắp đất nước Hàn Quốc. Các trường lớp này được mở ra với mục đích thúc đẩy các hoạt động văn hóa, giáo dục và các chương trình giải trí cho người già (Cho Ki Dong, 2002). Các hoạt động tập thể này giúp người cao tuổi khoẻ mạnh về thể chất, thoải mái về tinh thần và có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ngoài những biện pháp, chương trình hoạt động cụ thể và thiết thực liên quan trực tiếp tới quyền lợi và đời sống vật chất của người cao tuổi kể trên, chính phủ và các tổ chức xã hội Hàn Quốc còn có những hoạt động hay chính sách nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc chăm sóc và bảo vệ người cao tuổi, phổ biến, giáo dục và giáo dục lại lòng kính trọng người già và sự hiếu lễ với cha mẹ, ông bà. Chẳng hạn như Chính phủ Hàn Quốc chọn ngày mùng 2 tháng 10 hàng năm là ngày Người cao tuổi nhằm tôn vinh những đóng góp của người cao tuổi cũng như nhắc nhở các thế hệ con cháu về lòng hiếu thảo; hay tập đoàn Sam Sung, thông qua Quỹ An sinh xã hội của mình đã trao giải thưởng hiếu thảo cho những người con hiếu lễ với cha mẹ mình.

Những chính sách đúng đắn và hành động thiết thực của Chính phủ và các tổ chức xã hội tại Hàn Quốc trong việc hỗ trợ, chăm sóc người cao tuổi đã giúp quốc gia này giải quyết được nhiều vấn đề nảy sinh của quá trình già hóa dân số nhanh chóng, cân bằng hệ thống an sinh xã hội và ổn định sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

*** Kết luận và một vài khuyến nghị cho việc ứng phó với già hóa dân số ở Việt Nam**

Việt Nam cũng là một quốc gia Á đông chịu ảnh hưởng đậm nét của Khổng giáo, địa vị của người già luôn được đề cao, chăm

sóc người già trong gia đình cũng là một chuẩn mực phổ biến. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã và đang trải qua tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa với những dòng di dân trẻ tuổi đổ về các thành phố lớn cũng như những thay đổi trong cấu trúc gia đình, cách sống và quan niệm về chăm sóc người già. Ngoài ra, những dự báo dân số như đã trình bày ở trên cho thấy Việt Nam sẽ có khoảng thời gian ngắn cho quá trình đạt tới mốc dân số già hóa tương tự như Hàn Quốc (Hàn Quốc mất 19 năm, Việt Nam theo dự báo sẽ mất khoảng 20 năm). Những điểm tương đồng này cho chúng ta một cơ sở để so sánh thực trạng về người cao tuổi cũng như hoạt động chăm sóc và các chính sách đối với nhóm xã hội này giữa Việt Nam và Hàn Quốc để từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Những thông tin và phân tích ở trên cho thấy chính phủ Hàn Quốc đã rất chủ động nhận thức vấn đề và đưa ra các biện pháp đối phó sớm đối với các hậu quả của quá trình già hóa dân số. Các chính sách, biện pháp đưa ra mang tính tổng thể, đồng bộ và khả thi bởi chúng đều dựa trên những nghiên cứu khoa học được tiến hành một cách rộng rãi, công phu và nghiêm túc theo đơn đặt hàng của chính phủ, của các tổ chức xã hội hay xuất phát từ mối quan tâm của các nhà khoa học tại các trường đại học, viện nghiên cứu. Sự kết hợp của nhà nước, các tổ chức xã hội phi lợi nhuận và các tập đoàn, công ty tư nhân chính là một yếu tố giúp giảm nhẹ gánh nặng cho chính phủ, mở rộng số lượng và nâng cao chất lượng hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ người cao tuổi.

Từ những kinh nghiệm của Hàn Quốc, có thể đi đến một số khuyến nghị cho công tác ứng phó với già hóa dân số ở Việt Nam như sau:

Đánh giá và xây dựng lộ trình chuyển đổi hệ thống bảo hiểm xã hội nhằm tăng cường khả năng chi trả, tính công bằng và đảm bảo độ bền vững của hệ thống khi dân số Việt Nam thực sự bước vào giai đoạn già;

Tiến hành những nghiên cứu quy mô đánh giá nhu cầu, nguyện vọng của bản thân người già để có hướng giải quyết đáp ứng phù hợp;

Mở rộng và nâng cao năng lực của hệ thống chăm sóc y tế của nhà nước đối với người cao tuổi;

Khuyến khích, tạo điều kiện cho sự phát triển của các loại hình cung cấp dịch vụ chăm sóc hỗ trợ người cao tuổi;

Đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để phù hợp với nhu cầu và điều kiện của nhiều nhóm đối tượng;

Nâng cao nhận thức của xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc chăm sóc người cao tuổi cũng như cung cấp các kiến thức thông tin cần thiết và hữu ích cho hoạt động này thông qua tuyên truyền, giáo dục hay tổ chức các giải thưởng, các cuộc thi thiết thực;

Tuy có nhiều điểm tương đồng trong vấn đề người cao tuổi, Việt Nam cũng có rất nhiều điểm khác biệt với Hàn Quốc, trong đó điểm cơ bản nhất là mức độ phát triển kinh tế thấp hơn hay nói cách khác, vấn đề lớn nhất của Việt Nam khi đối mặt với già hóa dân số là tình trạng "già" trước khi "giàu". Chính vì vậy, Việt Nam sẽ gặp phải nhiều khó khăn hơn và cần phải có những chiến lược mạnh mẽ hơn, rộng rãi hơn nữa để chủ động chuẩn bị và đối phó với những biến động và vấn đề xã hội nảy sinh bởi quá trình già hóa dân số đã đang và sẽ diễn ra ngày một rõ nét.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giang Thanh Long (biên soạn) (2010), *Già hóa dân số và các vấn đề chính sách của hệ thống hưu trí ở Việt Nam*, Trung tâm Thông tin và Tư liệu dân số, Tổng cục Dân số, Kế hoạch hóa gia đình.
2. Giang Thanh Long (2010), *Già hóa dân số ở Việt Nam: thách thức của một nước thu nhập trung bình*, Tham luận hội thảo "Vượt qua bẫy thu nhập trung bình: Cơ hội và thách thức của Việt Nam", Diễn đàn Phát triển Việt Nam VDF.
3. Phương Linh, (2010), Xu hướng già hóa dân số, Trang Thông tin Hội Người cao tuổi Việt Nam http://hoinguoicaotuoi.vn/data/modules.php?name=News&op=viewst&sid=32.
4. Martin Evans, Ian Gough, Susan Harkness, Andrew McKay, Vũ Thanh Huyền & Lê Thị Thu Ngọc (2006), *Mối liên quan giữa tuổi cao và nghèo ở Việt Nam*, UNDP.
5. Adrian C. Hayes, Nguyễn Đình Cử & Vũ Mạnh Lợi (2009), *Dân số và phát triển ở Việt Nam hướng tới một chiến lược mới 2011-2020*, UNFPA.
6. UNFPA (2010), *Tận dụng cơ hội dân số vàng ở Việt Nam: cơ hội, thách thức và những gợi ý chính sách.*
7. Chosun Ilbo (2005), *Aging Korea On Course for Massive Problems*, Global Action on Aging website.
8. http://www.globalaging.org/elderrights/world/2005/course.htm.
9. Kim Cheong-won (2006), *Government to Create 80,000 Jobs for Elderly*, Global Action on Aging website.
10. http://www.globalaging.org/elderrights/world/2006/skorea.htm

11. Cho – Ki Dong (2002), *Social services for the elderly in Korea*, Helpage Korea.

12. Chung Wankyo, (2010), *Social Protection in Korea – Current State and Challenges*, Korea Development Institute.

13. Huck-ju Kwon, Grami Dong, Hyun-gyung Moon (2010), *The Future Challenges of the Developmental Welfare State: The Case of Korea*, Social Policy Association 2010 conference: Social policy in times of change, University of Lincoln.

14. Howe N., Jackson R. & Nakashima K. (2007), *The aging of Korea Demographics and Retirement Policy in the Land of the Morning calm*, Center for Strategic and International Studies.

15. Sung, Kyu-taik (2001), *Family Support for the Elderly in Korea*, Journal of Aging Social Policy, 12: 4, 65 - 79.

16. Cơ quan Thống kê Hàn Quốc http://kostat.go.kr/eng/.